

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/DS-ST
Ngày: 12/6/2017
V/v tranh chấp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lu Trường Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hồng Lành

Ông Trần Thanh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2017/TLST – DS ngày 01 tháng 3 năm 2017 về việc: “*tranh chấp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2017/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2017/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2017, giữa:

- *Đồng nguyên đơn: Anh Trương Văn M – sinh năm 1981*

Chị Nguyễn Thu T – sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thu N là anh Trương Văn M – sinh năm 1981, theo văn bản ủy quyền ngày 12/4/2017.

- *Đồng bị đơn: Chị Trần Thị V – sinh năm 1970*

(Tên gọi khác: Trần Hồng V)

Anh Trần Văn N – sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Chị V đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bạc Liêu.

Anh M có mặt. Chị V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh N vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2017 và các lời khai tiếp theo có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, đồng nguyên đơn anh Trương Văn M và chị Nguyễn Thu T trình bày:

Anh M, chị T có tham gia 01 phần hội trong dây hội mở lần đầu ngày 15/3/2013 âm lịch do chị V và anh N làm chủ hội, loại hội 200.000đ, 10 ngày khui hội một lần, có 45 phần hội, đóng hội sống 24 lần = 2.017.000đ. Sau đó, chị V và anh N bẻ hội nên chưa có trả tiền cho anh M, chị T. Anh M, chị T yêu cầu chị V và anh N trả 2.017.000đ.

Ngoài ra, anh M, chị T còn mua của chị V và anh N 02 phần hội, cụ thể:

+ Dây hội do chị V và anh N làm chủ hội mở lần đầu ngày 05/7/2013 âm lịch, loại hội 500.000đ, một tháng khui hội một lần, có 20 phần hội. Dây hội này anh M, chị T không có tham gia chơi hội, khi chị V và anh N mở hội lần thứ 02 vào ngày 05/8/2013 âm lịch thì kêu anh M, chị T bán 01 phần hội với giá 4.983.000đ. Anh M, chị T đã đưa cho chị V và anh N số tiền 4.983.000đ nhưng không có làm giấy tờ. Khi đó, hai bên thỏa thuận hàng tháng các tay em đóng hội sống/01 phần hội bao nhiêu tiền thì chị V và anh N đưa lại cho anh M, chị T số tiền này, tới khi mãn hội thì chị V chung tiền hội cho anh M, chị T như nuôi hội sống đến mãn. Do chị V bị bẻ hội nên anh M, chị T yêu cầu chị V và anh N trả lại cho số tiền đã bỏ ra mua hội là 4.983.000đ.

+ Ngoài ra, anh M, chị T với chị V và anh N thỏa thuận anh M, chị T mua của chị V và anh N 01 phần hội sống với số tiền 6.000.000đ, anh M, chị T không nhớ dây hội mở lần đầu vào ngày tháng năm nào, chỉ biết loại hội 200.000đ, 15 ngày mở hội một lần. Khi đó, hai bên thỏa thuận tới kỳ khui hội các tay em đóng hội sống/01 phần hội bao nhiêu tiền thì chị V đưa lại cho tôi số tiền này; tới khi mãn hội thì chị V chung tiền hội cho anh M, chị T như nuôi hội sống đến mãn. Do chị V bị bẻ hội nên anh M, chị T yêu cầu chị V trả lại số tiền đã bỏ ra mua hội là 6.000.000đ.

Tổng cộng, anh M, chị T yêu cầu chị V và anh N trả số tiền hội là 13.000.000đ và không yêu cầu tính lãi. Nhưng từ khi ngưng đóng hội chết thì anh N có đưa tiền cho anh M, chị T được số tiền 3.600.000đ. Tại phiên tòa, anh M rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.600.000đ và rút yêu cầu đối với số tiền 313.000đ với lý do số tiền này đã được giải quyết khi xét xử vụ án hình sự của chị V, tổng cộng là 3.913.000đ; anh M, chị T chỉ yêu cầu chị V và anh N trả số tiền 9.087.000đ, không yêu cầu tính lãi từ ngày chị V và anh N vi phạm nghĩa vụ đến ngày Tòa án giải quyết nhưng yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án.

Đồng bị đơn chị Trần Thị V trình bày:

Chị V thừa nhận lời trình bày của anh M, chị T là đúng với diễn biến giao dịch hội giữa hai bên. Chị V thừa nhận sau khi chị V và anh N ngưng đóng hội còn thiếu anh M, chị T số tiền đóng hội là 2.017.000đ và chưa trả số tiền bán hội là 10.983.000đ. Tổng cộng là 13.000.000đ. Chị V xác định tiền chơi hội dùng để sử dụng chung trong gia đình chị và anh N. Tuy nhiên, trong thời gian chị V đi chấp hành án, anh N ở nhà đã trả tiền cho anh M, chị T được số tiền là 3.600.000đ. Chị V đồng ý trả cho anh M, chị T số tiền 9.400.000đ.

Đồng bị đơn anh Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, do đó không ghi nhận được ý kiến của anh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với đồng bị đơn anh Trần Văn N vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa là vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: anh M, chị T yêu cầu chị V và anh N trả số tiền hụi 13.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Ngày 10/4/2017 và tại phiên tòa hôm nay, anh M rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.913.000đ; căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của anh M, chị T đối với số tiền 3.913.000đ.

Tại phiên tòa, anh M chỉ yêu cầu chị V và anh N trả tổng số tiền 9.087.000đ. Chị V thừa nhận có nợ anh M, chị T số tiền hụi 9.400.000đ và đồng ý trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N không có lời khai, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh M, chị T. Chị V, anh M, chị T đều xác định anh N đã trả cho anh M, chị T số tiền 3.600.000đ; do đó, có cơ sở xác định đây là nợ chung của anh N và chị V. Anh M, chị yêu cầu chị V, anh N trả nợ là có cơ sở chấp nhận, buộc chị V và anh N trả cho anh M, chị T số tiền 9.087.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Anh M, chị T yêu cầu giải quyết tranh chấp hụi, đồng bị đơn chị V và anh N có địa chỉ thường trú tại huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng anh N vắng mặt tại phiên tòa hai lần, chị V có đơn xin xét xử vắng mặt; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị V là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, anh M xác định có tham gia 01 phần hụi do chị V và anh N làm chủ hụi, đây hụi mở lần đầu ngày 15/3/2013 âm lịch (nhằm ngày 24/4/2013 dương lịch), loại hụi 200.000đ. Anh M đóng hụi sống 24 lần với số tiền 2.017.000đ, sau đó chị V và anh N bẻ hụi nên chưa trả tiền cho anh M, chị T. Ngoài ra, anh M, chị T có mua của chị V và anh N 02 phần hụi với số tiền (4.983.000đ + 6.000.000đ) = 10.983.000đ, việc mua bán không làm giấy tờ. Sau khi bẻ hụi, chị V và anh N chưa trả tiền cho anh M, chị T. Nay, anh M, chị T yêu cầu trả tổng số tiền vốn là 13.000.000đ nhưng trong thời gian chị V đi chấp hành án thì anh N ở nhà có trả cho anh chị được số tiền 3.600.000đ, khi giải quyết vụ án hình sự của chị V đã buộc chị V trả cho anh M, chị T số tiền 313.000đ; anh M, chị T đồng ý đối trừ nên chỉ yêu cầu chị V và anh N trả 9.087.000đ và không yêu cầu trả lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử. Việc anh M, chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.913.000đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết.

[4] Chị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai của chị V (bút lục 30-31) thừa nhận số tiền vốn mà anh M, chị T đã bỏ ra đóng hụi và mua hụi là 13.000.000đ và anh N đã trả cho anh M, chị T được 3.600.000đ. Chị V đồng ý trả cho anh M, chị T số tiền 13.000.000đ nhưng khấu trừ số tiền anh N đã thanh toán 3.600.000đ, còn lại là 9.400.000đ.

[5] Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh N cố tình vắng mặt. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của chị V xác định sử dụng số tiền chơi hụi cho sinh hoạt chung trong gia đình. Mặt khác, anh M, chị T và chị V thừa nhận khi chị V đi chấp hành án, anh N ở

nhà đã thanh toán cho anh M, chị T được một phần hụi. Do đó, có cơ sở xác định đây là phần nợ chung của chị V và anh N nên chị V và anh N cùng có nghĩa vụ trả nợ.

[6] Khi khởi kiện cũng như tại phiên tòa, anh M, chị T không yêu cầu tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử; xét thấy đây là quyền quyết định và tự định đoạt của các đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M, chị T; buộc chị V và anh N trả cho anh M, chị T số tiền 9.087.000đ.

[10] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[11] *Về án phí:* chị V và anh N phải nộp án phí dân sự có giá ngạch 5% trên trị giá số tiền phải trả cho anh M, chị T là: 9.087.000đ x 5% = 454.350đ

Anh M, chị T không phải chịu án phí, đã dự nộp 325.000đ tại lai thu số 0002983 ngày 01/3/2017 sẽ được hoàn nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 357, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Áp dụng Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của chính phủ về hộ, hụi, biếu, phưởng;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn M và chị Nguyễn Thu T. Buộc chị Trần Thị V và anh Trần Văn N có nghĩa vụ trả cho anh Trương Văn M và chị Nguyễn Thu T số tiền 9.087.000đ (Chín triệu không trăm tám mươi bảy ngàn đồng).

2/ Đình chỉ giải quyết do anh Trương Văn M và chị Nguyễn Thu T rút yêu cầu đối với số tiền 3.913.000đ.

3/ Về án phí: buộc chị V, anh N phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 454.350đ.

Anh M, chị T không phải chịu án phí, đã dự nộp 325.000đ tại lai thu số 0002983 ngày 01/3/2017 sẽ được hoàn nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015”.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lư Trường Lâm